

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2023

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Xuân Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Míp Niê;

2. Ông Lê Đăng Huân;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dung -
Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk
tham gia phiên tòa:** Bà Lê Trịnh Xuân Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông
Năng, tỉnh Đắk Lắk tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
264/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn
nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số
04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H; trú tại: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Đắk
Lắk (có mặt);

- Bị đơn: Anh Văn Công T; trú tại: Thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk
(vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị
H trình bày:** Chị H với anh T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự
nguyện vào ngày 28/09/2015 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình
chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian gần đây vợ
chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T có mối quan hệ
với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực trong gia đình, vợ chồng không hòa
thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022
cho tới nay. Xét thấy tình cảm không còn nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết cho
ly hôn với anh Văn Công T.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 03 con chung, cụ thể:
Cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012; cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày
01/9/2015; cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019, các con chung
đều phát triển bình thường. Nguyên vọng chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng

cháu cả 02 con chung: Cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012 cho anh Văn Công T (bố) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Văn Công T trình bày:* Về quan hệ hôn nhân đúng như chị Nguyễn Thị H trình bày. Anh T và chị H là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 28/09/2015 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Tuy nhiên, khoảng cuối năm 2021 thì anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác trong thời gian khoảng 02 tháng. Sau đó, anh T đã nhận thấy lỗi lầm của mình nên đã dừng mối quan hệ với người phụ nữ kia. Nay, vì con nhỏ và vì còn tình cảm nên anh T không đồng ý ly hôn với chị H.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung, cụ thể: Cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012; cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015; cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019, các con chung đều phát triển bình thường. Nguyên vọng nếu ly hôn anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Kết quả xác minh tại Chi hội phụ nữ thôn H, xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk:* Quá trình sinh sống tại địa phương giữa chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, lời qua tiếng lại. Hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Tuy nhiên, nguyên nhân mâu thuẫn do đâu thì Chi hội phụ nữ thôn không nắm được. Đề nghị, Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* *Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến ngày xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, đưa vụ án ra xét xử đúng hạn luật định, thủ tục mở phiên tòa đảm bảo. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Qua phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai và ý kiến của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa có ý kiến như sau: Chị H với anh T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 28/09/2015 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực trong gia đình, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng

sống ly thân từ tháng 7/2022 cho tới nay. Do đó, có thể thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H với anh T là trầm trọng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T.

Về con chung: Giao cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012 cho anh Văn Công T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Nguyễn Thị H (mẹ) trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H, anh Văn Công T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu ly hôn nên nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án; ý kiến của Kiểm sát viên, đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ kiện “Ly hôn” và bị đơn có nơi cư trú tại xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Văn Công T mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H với anh T là vợ chồng và có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 28/09/2015 tại UBND xã X, huyện N, tỉnh Đắk Lắk theo giấy chứng nhận kết hôn số 149/2015, quyển sổ số 01/2015. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân của chị H với anh T là hợp pháp. Vì vậy, chị Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn là đúng quy định của pháp luật.

Xét tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T: Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ khoảng cuối năm 2021 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác, có hành vi bạo lực trong gia đình, vợ chồng không hòa thuận, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2022 tại chi hội phụ nữ thôn H, xã X, huyện N xác định tình trạng hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T có mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, to tiếng trong gia đình. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2022 cho

tới nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Văn Công T cũng thừa nhận đã ngoại tình với người phụ nữ khác. Xét thấy, hôn nhân được xây dựng trên sự tự nguyện yêu thương, chăm sóc, tôn trọng, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc với nhau nhưng chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T thường xuyên mâu thuẫn, to tiếng trong gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để hai bên có cơ hội quay lại đoàn tụ với nhau nhưng không thành. Từ những căn cứ trên có thể khẳng định tình trạng hôn nhân của chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị H.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T có 03 con chung: Cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012; cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015; cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019, các con chung đều phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị H với anh Văn Công T có nguyện vọng nếu ly hôn chị H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu cả 02 con chung: Cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019 cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012 cho anh Văn Công T (bố) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Do đó, cần giao cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Giao cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012 cho anh Văn Công T (bố) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H, anh Văn Công T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009234 ngày 26/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị H không phải nộp thêm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về việc “Ly hôn”. Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Văn Công T.

2. Về con chung:

- Giao cháu Văn Nguyễn Bảo T, sinh ngày 01/9/2015 và cháu Văn Nguyễn Nhật K1, sinh ngày 23/10/2019 cho chị Nguyễn Thị H (mẹ) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

- Giao cháu Văn Tuấn K, sinh ngày 04/10/2012 cho anh Văn Công T (bố) trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi cháu K đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung tự thỏa thuận nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H, anh Văn Công T có quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở quyền này.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0009234 ngày 26/9/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Nguyễn Thị H không phải nộp thêm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã, phường và nơi họ cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng (02);
- Chi cục THADS huyện Krông Năng;
- Các đương sự;
- UBND xã X;
-;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trương Xuân Hải